

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2018/HNST

Ngày: 27-7-2018

V/v: “*yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng giữa ông Ph và bà N*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Hoàng Hải

2/ Ông Huỳnh Thanh Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thành Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp: “*yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 153/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Đức Ph, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T 1, xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ

- **Bị đơn:** Bà , sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T 1, xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi các tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên toà nguyên đơn ông Trần Đức Ph trình bày: Giữa ông và bà Trần Ngọc N quen biết nhau trong quá trình công tác chung, sau quá trình tìm hiểu ông và bà Trần Ngọc N thống nhất tiến tới hôn nhân vào năm 1993, gia đình có tổ chức lễ cưới cho ông và N nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau tại nhà riêng thuộc ấp T 1, xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2010 trở đi vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quan niệm sống, cách cư xử không phù hợp với truyền thống gia đình Việt Nam, vợ không chăm lo cuộc sống gia đình...sự việc mâu thuẫn kéo dài dẫn đến cả

hai không thể hoà hợp với nhau trong cuộc sống hôn nhân, nên ông Ph yêu cầu Toà án không công nhận là vợ chồng với bà Trần Ngọc N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1995; Trần Đ Duy, sinh năm 2003. Đối với cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Toà án xem xét, riêng cháu Duy có nguyện vọng sống với cha hay mẹ thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

Bị đơn bà Trần Ngọc N qua bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến trình bày: hôn nhân giữa bà với ông Trần Đức Ph là tự nguyện, lễ cưới giữa bà và ông Ph được tổ chức vào năm 1993 nhưng vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới nhau vợ chồng bà sống riêng tại ấp T 1, xã H, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Vợ chồng chung sống được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn kể từ năm 2010, nguyên nhân là do vợ chồng không đồng quan điểm trong cách chi tiêu trong gia đình, từ đó vợ chồng không hoà hợp nhau về cách sống trong quan hệ vợ chồng. Nay ông Ph yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà thì bà cũng đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1995; Trần Đ Duy, sinh năm 2003. Đối với cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Toà án xem xét, riêng cháu Duy có nguyện vọng sống với cha hay mẹ thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trần Đức Ph khởi kiện yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Trần Ngọc N, đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của tòa án theo quy định tại Điều 28 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Trần Ngọc N là bị đơn, có đơn xin xét xử vắng mặt và được Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt đối với bà Trần Ngọc N.

[2] Xét hôn nhân giữa ông Trần Đức Ph và bà Trần Ngọc N tuy chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân giữa ông Ph và bà N là không hợp pháp nên không phát sinh quan hệ vợ chồng do vậy ông Ph yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống ông Ph và bà N có 02 đứa con chung tên Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1995; Trần Đ Duy, sinh năm 2003. Hiện cháu Duyên đã trưởng thành không có yêu cầu gì nên Toà án không xem xét, riêng cháu Duy có nguyện vọng sống với mẹ vì cháu đang học tập ổn định tại địa phương, ông Ph đồng ý nên Toà án tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng đến trưởng thành. Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho ông Ph theo quy định của pháp luật không ai được ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Các đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Trần Đức Ph phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức Ph về việc tranh chấp: yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng bà Trần Ngọc N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Đức Ph và bà Trần Ngọc N là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Đ Duy, sinh năm 2003 cho bà Trần Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành, ông Ph không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trần Đức Ph theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Toà án không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Đức Ph phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 000968 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc được tổng đạt hay niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND H Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu (HS – 2 bản).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Khoa